

Bản án số: 153/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/12/2025
V/v ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua
2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm– Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long: Bà Trần Thị Hồng Gấm-Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 146/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm N, xã V, tỉnh Nghệ An

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1953 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2025 nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N trình bày:

Về hôn nhân: ông N và bà Hoàng Thị T do quen biết nên tự nguyện kết hôn vào năm 2001, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 25/3/2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc nhưng thời gian sau cụ thể năm nào ông N không nhớ thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân tính đến nay khoảng 08 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà thuận, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, phía bà T có mâu thuẫn với mẹ ruột ông N nên vợ chồng thường xuyên cự cãi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể khắc phục được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 2006, Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 2004 và Nguyễn Hoàng H, sinh năm 2002, hiện các con đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, có thể sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu ngày 20/9/2025, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 22/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: bà T và ông N quen biết nhau và kết hôn vào ngày 26/01/2001 âm lịch, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 25/3/2001. Thời gian đầu sống tương đối hạnh phúc nhưng đến năm 2004 phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân từ năm 2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là vào năm 2004 vợ chồng sống ở thành phố Hồ Chí Minh ông N thường xuyên ăn nhậu nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn bất hoà. Đến năm 2017 thì ông N ngày càng ăn nhậu nhiều hơn và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng ly thân không thể hàn gắn được. Từ tháng 3/2024 bà T chuyển hộ khẩu về Nghệ An sinh sống cho đến nay. Nay ông N yêu cầu ly hôn thì bà T đồng ý ly hôn với ông N.

Về con chung: bà T và ông N có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 2006, Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 2004 và Nguyễn Hoàng H, sinh năm 2002, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/6/2025 và ngày 22/7/2025, bà Hoàng Thị T có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, cụ thể:

Về hôn nhân: bà T đồng ý ly hôn với ông N

Về con chung: các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: thời gian chung sống vợ chồng có mua 01 chiếc xe mô tô hiệu Airblade màu đen đỏ, mang biển số 64E1-30019 do ông Nguyễn Hoàng N đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe máy, hiện đang do ông N quản lý, sử dụng, chiếc xe hiện có giá trị khoảng 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Khi ly hôn, bà T yêu cầu ông N hoàn cho bà T $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe Airblade nêu trên là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), bà T đồng ý giao chiếc xe cho ông N tiếp tục quản lý, sử dụng.

Về tài sản riêng: bà T cho rằng bà đã bỏ tiền cá nhân là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) để xây căn nhà cấp 4 trên đất của mẹ chồng là bà Nguyễn Hồng P tại ấp A, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Hiện căn nhà đang do ông N và bà P quản lý, sử dụng. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N và bà P hoàn trả lại bà T số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) mà bà T đã xây dựng căn nhà. Bà T đồng ý tiếp tục giao căn nhà cho ông N và bà P quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/10/2025, bà Hoàng Thị T có đơn rút lại đơn khởi kiện, không tranh chấp tài sản khi ly hôn đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Airblade màu đen đỏ, mang biển số 64E1-30019 do ông Nguyễn Hoàng N đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe máy và giá trị căn nhà cấp 4 mà ông N và bà P đang quản lý, sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2025, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Hồng P trình bày:

Bà P là mẹ ruột của ông Nguyễn Hoàng N, là mẹ chồng bà Hoàng Thị T, hiện bà đang sinh sống trong căn nhà mà bà T yêu cầu bà và ông N hoàn lại bà T giá trị là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng). Bà P là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất mà căn nhà tọa lạc, tuy nhiên bà không nhớ cụ thể thông tin thửa đất, bà P cũng không nhớ căn nhà được xây dựng năm nào và chi phí xây dựng là bao nhiêu. Bà không đồng ý hoàn giá trị căn nhà cho bà T vì bà cho rằng tiền xây dựng căn nhà là do bà thuộc diện hộ nghèo được Nhà nước hỗ trợ một phần tiền, số tiền cụ thể bà không nhớ, phần tiền còn lại là do bà và ông N góp phần xây dựng, bà T không có đóng góp chi phí nào vào việc xây dựng căn nhà. Về việc yêu cầu ly hôn của ông N và bà T thì bà không có ý kiến. Ngoài ra bà xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử vụ án do bà lớn tuổi đi lại khó khăn.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng N, bà Hoàng Thị T và bà Nguyễn Hồng P vắng mặt.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 14/11/2025 ông Nguyễn Hoàng N xin vắng mặt, ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: ông N yêu cầu ly hôn với bà T; về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 28/11/2025 bà Hoàng Thị T xin vắng mặt, bà T giữ nguyên ý kiến đã trình bày: bà T đồng ý ly hôn với ông N; về con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, tài sản riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 165, 217, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng N được ly hôn với bà Hoàng Thị T.
- Về con chung: Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu của bị đơn bà Hoàng Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N trả giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô là 15.000.000 đồng, yêu cầu ông N và bà P trả lại số tiền đã xây dựng nhà là 90.000.000 đồng.
- Về chi phí định giá: Hoàn trả cho bà Hoàng Thị T số tiền đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản.
- Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hoàng Thị T số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, đơn phản tố yêu cầu chia tài sản cùng lời trình bày của

đương sự. Kết luận quan hệ tranh chấp về “ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Hoàng Thị Thanh cư T1 tại địa chỉ: xóm N, xã V, tỉnh Nghệ An. Ngày 19/6/2025, đương sự có đơn yêu cầu lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long) tiếp tục giải quyết vụ án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long giải quyết vụ án theo quy định.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N và bị đơn Hoàng Thị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng P xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2001, quyển số 01 ngày 25/3/2001 của Ủy Ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hoàng N và bà Hoàng Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông N thì sau khi cưới nhau ông N và bà T cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng khi xảy ra mâu thuẫn thì không hàn gắn được. Ông N cho rằng vợ chồng có nhiều bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn từ nhiều năm nay, vợ chồng đã ly thân khoảng 08 năm và đến nay không về đoàn tụ được. Tại đơn xin ly hôn ông N trình bày hiện ông N không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T. Phía bà T cũng cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2017 đến nay, vợ chồng có nhiều bất hòa không hàn gắn được, từ tháng 3/2024 bà T đã chuyển về Nghệ An sinh sống, nay ông N yêu cầu ly hôn với bà T thì bà T đồng ý ly hôn với ông N.

Xét thấy hôn nhân của ông N và bà T có nhiều mâu thuẫn từ nhiều năm không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ông N yêu cầu được ly hôn với bà T và bà T cũng đồng ý ly hôn với ông N. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N.

[3.2] Về con chung: ông N và bà T cùng trình bày vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 2006, Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 2004 và Nguyễn Hoàng H, sinh năm 2002, hiện các con đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, có thể sống tự lập nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, tài sản riêng:

Ngày 25/10/2025, bà Hoàng Thị T có đơn rút lại đơn khởi kiện, không tranh chấp tài sản khi ly hôn đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Airblade màu đen đỏ, mang biển số 64E1-30019 do ông Nguyễn Hoàng N đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe máy và giá trị căn nhà cấp 4 mà ông N và bà P đang quản lý, sử dụng.

Xét thấy, việc rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bà Hoàng Thị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự chấp nhận việc rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bà T.

Phía ông Nguyễn Hoàng N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: ông N và bà T cùng thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: hoàn trả bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo phiếu thu ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Hoàng N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002214 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2-Vĩnh Long).

Hoàn trả bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí là 2.625.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002426 ngày 20/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2-Vĩnh Long).

[6] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều

227, khoản 1 Điều 228, Điều 244; Điều 266; Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng N

1. Về hôn nhân: ông Nguyễn Hoàng N được ly hôn với bà Hoàng Thị T.

2. Về con chung: ông Nguyễn Hoàng N và bà Hoàng Thị T có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 2006, Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 2004 và Nguyễn Hoàng H, sinh năm 2002, hiện các con chung đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, có thể sống tự lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của bà Hoàng Thị T đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Airblade màu đen đỏ, mang biển số 64E1-30019 do ông Nguyễn Hoàng N đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe máy và giá trị căn nhà cấp 4 tọa lạc tại ấp A, xã C, tỉnh Vĩnh Long mà ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Hồng P đang quản lý, sử dụng.

4. Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Hoàng N và bà Hoàng Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng: hoàn trả bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo phiếu thu ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hoàng N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002214 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2-Vĩnh Long). Ông N đã nộp đủ.

Hoàn trả bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí là 2.625.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002426 ngày 20/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2-Vĩnh Long).

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND KV2-VL: 02b
- Phòng THADS KV2-VL: 01b;
- UBND xã nơi thực hiện ĐKKH: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Ngọc T2

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Ngọc Trinh